

Y, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Số: 10/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị K, sinh năm 1982

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: xóm N, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ Điều 212, Điều 213; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 03 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 03 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị K và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị K và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị Bùi Thị K và anh Trần Văn T có 02 con chung tên là Trần Văn T1 sinh ngày 21/07/2002 và cháu Trần Thị Mai L, sinh ngày 05/08/2008. Vợ chồng ly hôn chị K, anh T thống nhất thoả thuận cháu T1 đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành có công việc ổn định, tự chăm sóc được bản thân nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Còn cháu L sẽ giao cho chị K là người nuôi dưỡng đến khi cháu L trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị K chưa yêu cầu anh Trần Văn T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom gây ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

c. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị K và anh Trần Văn T thống nhất tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết

d. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

e. Về án phí: Chị Bùi Thị K và anh Trần Văn T mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng chị K tự nguyện nhận nộp cả phần án phí của anh T nên số tiền án phí chị K phải nộp là 150.000 đồng, chị K được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001589 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình. Chị K được hoàn trả lại 150.000đ

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Yên Thủy;
- UBND xã Ngọc Lương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hảo

